

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 161/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị B, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 192A, Khóm 8, Phường 1, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị B: Bà Hồ Huỳnh Tố D, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1972 và bà Hoa Thị G, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn E: Bà Hoa Thị G, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 192A, Khóm 8, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 16 tháng 11 năm 2022, bà Hoa Thị G, ông Nguyễn Văn E còn nợ bà Trương Thị B số tiền hui là 297.392.096 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu ba trăm chín mươi hai nghìn không trăm chín mươi sáu đồng) trong đó tiền vốn là 197.650.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi là 99.742.096 đồng (Chín mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

2.2. Bà Hoa Thị G, ông Nguyễn Văn E có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị B số tiền hui là 297.392.096 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu ba trăm chín mươi hai nghìn không trăm chín mươi sáu đồng) trong đó tiền vốn là 197.650.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi là 99.742.096 đồng (Chín mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

2.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án của quyết định này cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 14.869.604 đồng (Mười bốn triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng), nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 7.434.802 đồng (Bảy triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm lẻ hai đồng).

Bà Hoa Thị G và ông Nguyễn Văn E phải chịu 3.717.401 đồng (Ba triệu bảy trăm mười bảy nghìn bốn trăm lẻ một đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Trương Thị B phải chịu 3.717.401 đồng (Ba triệu bảy trăm mười bảy nghìn bốn trăm lẻ một đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Bà Trương Thị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.275.000 đồng (Tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001235 ngày 17/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, bà Trương Thị Phương được hoàn lại số tiền 4.557.599 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi chín đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

2.5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- CCTHADS huyện A;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hoàng Yến